**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN T**
**TỈNH ĐĂK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-ST
Ngày 28 tháng 9 năm 2020
*"V/v Tranh chấp*
*Hợp đồng tín dụng"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐĂK NÔNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Tiến Thọ.
*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa.
***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng văn Ngư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 09 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2020/TLST-DS ngày 18/6/2020 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-DS ngày 22/8/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng T;

Địa chỉ: đường N, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm; Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người được ủy quyền: Ông Võ Duy Hưng- Trưởng phòng giao dịch K – Chi nhánh Đắk Nông – Ngân hàng T;

Địa chỉ: đường Nguyễn Tất Th, thị trấn K, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

*Đồng bị đơn:* Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1984 và bà Đào Thị Huyền Tr, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Qu, huyện T, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 01/8/2018 ông Đỗ Văn T và bà Đào Thị Huyền Tr vay vốn tại Ngân hàng T - Chi nhánh Đắk Nông – Phòng giao dịch K, số tiền vay 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) với lãi suất 03 tháng đầu là 12,6%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi lãi vay được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi

cuối kỳ cộng biên độ 5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất vay ban đầu. Việc vay tiền hai bên có làm hợp đồng cho vay số LD 1821200794 ngày 31/7/2018 và hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho món vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1025/2018/TCKD được công chứng ngày 31/7/2018 và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Đăk Nông ngày 31/7/2018.

Thời hạn vay là 24 tháng, thời hạn trả nợ vay làm 02 kỳ, kỳ 01 vào ngày 01/8/2019 trả 10.000.000 đồng và lãi vay của kỳ 01. Kỳ trả nợ thứ 02 vào ngày 01/8/2020 trả số tiền 60.000.000 và lãi vay của kỳ 02. Ngân hàng đã giải ngân đủ cho ông T, bà Tr vào ngày 01/8/2018.

Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay đang áp dụng tại thời điểm liền trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Mức phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Đến hẹn trả nợ Ngân hàng đã cử cán bộ nhiều lần đôn đốc ông Đỗ Văn T bà Đào Thị Huyền Tr trả nợ theo hợp đồng nhưng ông T, bà Tr không trả vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Văn T bà Đào Thị Huyền Tr phải trả cho Ngân hàng T - Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch K số tiền gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp ông T, bà Tr không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đồng bị đơn ông Đỗ Văn T và bà Đào Thị Huyền Tr đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ giấy triệu tập, các văn bản tố tụng nhưng ông Đỗ Văn T và bà Đào Thị Huyền Tr không hợp tác làm việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa ông Đỗ Văn T và bà Đào Thị Huyền Tr vắng mặt không có lý do.*

** Phần tranh luận:* Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do ông T, bà Tr vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc đồng bị đơn phải trả cho Ngân hàng T - Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch K số tiền gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp ông T, bà Tr không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án:*

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về trình tự thủ tục tố tụng:* Thẩm phán thiết lập hồ sơ đúng trình tự theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử đúng thành phần; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX:* Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 3

Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 357; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T - Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch K. Buộc ông Đỗ Văn T bà Đào Thị Huyền Tr phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 92.025.744 đồng (Chín mươi hai triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn, bảy trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó tiền gốc: 70.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tính đến ngày 28/9/2020 là 22.025.744 đồng và tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 29/9/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông T, bà Tr không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng T - Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch K có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Buộc ông Đỗ Văn T bà Đào Thị Huyền Tr phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thẩm quyền giải quyết:**

Đây là quan hệ tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng T - Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch K với ông Đỗ Văn T và bà Đào Thị Huyền Tr. Nơi ký kết, thực hiện hợp đồng giữa hai bên và tài sản thế chấp tọa lạc tại Thôn Đ, xã Qu, huyện T, tỉnh Đăk Nông. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đăk Nông theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt các thủ tụng tố tụng cho đồng bị đơn theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng đồng bị đơn không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã Qu, huyện T, tỉnh Đăk Nông, kết quả xác minh ông T, bà Tr có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đăk R'Tăng, xã Qu, huyện T, Đắk Nông, tuy nhiên khoảng 01 năm nay ông T, bà Tr đã bỏ đi khỏi địa phương, khi đi không đến Công an xã làm thủ tục tạm vắng nên hiện tại chính quyền địa phương không biết ông T, bà Tr hiện nay đang ở đâu, làm gì. Đối chiếu với quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nơi cư trú của cá nhân thì *"Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc*

*thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới"* và tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định *"Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về nơi cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung"* như vậy việc ông T, bà Tr bỏ đi khỏi địa phương, khi đi không đến Công an xã làm thủ tục tạm vắng đã vi phạm khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án xác định ông T, bà Tr cố tình giấu địa chỉ và tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt đồng bị đơn và biên bản không T hành hòa giải được theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay đồng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đồng bị đơn.

**[2] Về quan hệ pháp luật và nội dung tranh chấp:**

Đối tượng tranh chấp là số tiền vay 70.000.0000 đồng. Người được nguyên đơn ủy quyền trình bày đây là tài sản hợp pháp của nguyên đơn, thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn và đã cho đồng bị đơn vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên, do đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện ra Tòa án và Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật; vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**[3] Nhận định của Hội đồng xét xử:**

[3.1] Hợp đồng tín dụng số LD 1821200794 ngày 31/7/2018 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1025/2018/TCKD ngày 31/7/2018 giữa Ngân hàng T - Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch K với ông Đỗ Văn T và bà Đào Thị Huyền Tr được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, đạo đức xã hội và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức. Ngân hàng đã giải ngân đủ cho ông T và bà Tr, quá trình thực hiện giao dịch các đương sự có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện ký kết, thỏa thuận như trong hợp đồng. Do đó, các hợp đồng nêu trên là hợp pháp.

[3.2] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ khoản 1 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, điều 429 của Bộ luật dân sự, việc Ngân hàng khởi kiện là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[3.3] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số LD 1821200794 ngày 31/7/2018, ông T và bà Tr có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền 70.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi 03 tháng đầu là 12,6%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi lãi vay được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ cộng biên độ 5%/năm

nhưng không thấp hơn lãi suất vay ban đầu. Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay đang áp dụng tại thời điểm liền trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Mức phạt chậm trả lãi: 10%/năm. Hình thức thanh toán: Vốn vay chia làm 02 kỳ, mỗi kỳ 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên; số tiền phải trả mỗi kỳ: kỳ 01 vào ngày 01/8/2019 trả 10.000.000 đồng và lãi vay của kỳ 01, kỳ trả nợ thứ 02 vào ngày 01/8/2020 trả số tiền 60.000.000 và lãi vay của kỳ 02. Tuy nhiên, kể từ ngày vay đến nay ông T, bà Tr không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và tiền lãi suất phát sinh cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng đã thông báo yêu cầu ông T, bà Tr thanh toán các khoản tiền vay cho Ngân hàng nhiều lần nhưng ông T, bà Tr bỏ đi khỏi địa phương, không thông báo gì cho Ngân hàng và chính quyền địa phương biết. Do đó, ông T, bà Tr là người vi phạm hợp đồng. Việc Ngân hàng khởi kiện buộc ông T, bà Tr phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ  nên cần chấp nhận.

[3.4] Về lãi suất: Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, căn cứ Hợp đồng tín dụng số LD 1821200794 ngày 31/7/2018, ông T, bà Tr phải chịu tiền lãi trong hạn 03 tháng đầu là 12,6%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi lãi vay được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ cộng biên độ 5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất vay ban đầu. Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay đang áp dụng tại thời điểm liền trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Mức phạt chậm trả lãi: 10%/năm. Tính đến ngày 28/9/2020, ông T, bà Tr còn nợ Ngân hàng các khoản cụ thể như sau:

Tiền gốc: 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Lãi trong hạn: 19.491.121 đồng;

Lãi quá hạn 2.534.623 đồng;

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 92.025.744 đồng.

[3.5] Về tài sản bảo đảm: Căn cứ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1025/2018/TCKD ngày 31/7/2018, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tài sản đảm bảo nghĩa vụ thực hiện hợp đồng vay là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN277096, cấp ngày 02/7/2018 thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Đỗ Văn T và bà Đào Thị Huyền Tr, tọa lạc tại Thôn Đăk R'Tăng, xã Qu, huyện T, Đắk Nông thuộc tờ bản đồ số 109, thửa đất số 230, diện tích 307,9m$^2$ (gồm 90m$^2$ đất ở và 217,9m$^2$ đất trồng cây lâu năm). Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành xác minh tài sản thế chấp, kết quả tài sản thế chấp đúng với hiện trạng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN277096, cấp ngày 02/7/2018 tại tờ bản đồ số 109, thửa đất số 230, diện tích 307,9m$^2$ (gồm 90m$^2$ đất ở và 217,9m$^2$ đất trồng cây lâu năm), không có sự biến động, hiện diện tích đất này không ai quản lý, sử dụng. Trường hợp ông T, bà Tr không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng T - Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch K có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1025/2018/TCKD ngày 31/7/2018 để thu hồi nợ.

[3.6] Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T - Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch K buộc ông Đỗ Văn T và bà Đào Thị Huyền Tr phải trả cho Ngân hàng T - Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch K số tiền 92.025.744 đồng (Chín mươi hai triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn, bảy trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó tiền gốc là 70.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tính đến ngày 28/9/2020 là 22.025.744 đồng.

[5] Về án phí: Đồng bị đơn ông Đỗ Văn T và bà Đào Thị Huyền Tr phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

**1. Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T - Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch K.

Buộc ông Đỗ Văn T và bà Đào Thị Huyền Tr phải trả cho Ngân hàng T - Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch K số tiền 92.025.744 đồng (Chín mươi hai triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn, bảy trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó tiền gốc là 70.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/9/2020 là 22.025.744 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, ông Đỗ Văn T và bà Đào Thị Huyền Tr phải tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng số LD 1821200794 ngày 31/7/2018 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp ông Đỗ Văn T và bà Đào Thị Huyền Tr không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng T - Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch K có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1025/2018/TCKD ngày 31/7/2018 để thu hồi nợ.

**2. Về án phí:** Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Đỗ Văn T và bà Đào Thị Huyền Tr phải nộp 4.601.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm linh một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng T - Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch K số tiền 2.198.000 đồng (Hai triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001178 ngày 16/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đăk Nông.

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đồng bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại chính quyền địa phương.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Chính thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyệnT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

***Nguyễn Tiến Thọ***